**BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG III ( 2 TIẾT)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

***-*** Tổng hợp, kết nối kiến thức của các bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương.

- Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.

**2. Năng lực**

**Năng lực riêng:**

-Nâng cao kĩ năng giải toán.

- Gắn kết các kĩ năng bài học lại với nhau, giúp HS trong việc giải và trình bày giải toán.

- Luyện tập lại kĩ năng vẽ hình, tính toán về chu vi, diện tích các tứ giác gắn với bài tập thực tế.

- Củng cố kĩ năng tim trục đối xứng và tâm đối xứng của một số hình đơn giản.

**Năng lực chung:** Năng lực mô hình hóa toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, giáo án tài liệu, 5 bút dạ ( gốm 1 đỏ và 4 xanh hoặc đen)

**2 - HS** : SGK; đồ dùng học tập, giấy A1 theo tổ.

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố lại kiến thức từ đầu chương tới giờ.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** Nội dung kiến thức từ Bài 1 $\rightarrow $ Bài 7

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 3 nhóm hoạt động theo kĩ thuật khăn trải bàn và tổng hợp ý kiến vào giấy A1 thành sơ đồ tư duy theo các yêu cầu với các nội dung như sau:



+ Nhóm 1: Tam giác đều. Hình vuông. Lục giác đều.

+ Nhóm 2: Tứ giác đặc biệt: Hình bình hành, Hình thang cân, Hình chữ nhật, Hình thoi.

+ Nhóm 3: Hình đối xứng

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý, thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Sau khi hoàn thành thảo luận: Các nhóm treo phần bài làm của mình trên bảng và sau khi tất cả các nhóm kết thúc phần thảo luận của mình GV gọi bất kì HS nào trong nhóm đại diện trình bày.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* ***2, 5, 7, 8, 9*** *vào vở và lên bảng trình bày.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành các yêu cầu.*

**Kết quả:**

**Bài 2:**

a) Trong các hình trên, hình có trục đối xứng là:

(1) Đoạn thẳng AB: Trục đối xứng là đường thẳng đi qua và vuông góc với trung điểm

(2) Tam giác đều ABC: Trục đối xứng là đường thẳng đi qua trọng tâm

(3) Hình tròn tâm O: Trục đối xứng là đường thẳng đi qua tâm O

(4) Hình thang cân ABCD ( có đáy lớn CD): Trục đối xứng là đường thẳng đi qua và vuông góc với trung điểm của hai cạnh đáy

b) Hình nào có tâm đối xứng:

(1) Đoạn thẳng AB: Tâm đối xứng là trung điểm của đoạn thẳng

(2) Tam giác đều ABC: Tâm đối xứng là trọng tâm của tam giác

(3) Hình tròn tâm O: Tâm đối xứng là điểm O

(5) Hình thoi ABCD: Tâm đối xứng là giao điểm của hai đường chéo

**Bài 5**:

a) Một hình thoi có cạnh 4cm thì chu vi của nó bằng: 4 x 4 = 16cm.

b) Một hình vuông có chu vi 40cm thì cạnh của nó bằng: 40 : 4 = 10 cm.

c) Một hình chữ nhật có chu vi 30 cm và chiều rộng là 7cm thì chiều dài của nó bằng: 8 cm.

d) Một hình chữ nhật có chu vi 36 cm và chiều dài gấp đôi chiều rộng thì chiều dài bằng 12cm, chiều rộng bằng 6cm.

**Bài 7:**

**Hình 97**

Diện tích phần tô xanh là tổng diện tích của một hình vuông, một hình thoi, một hình chữ nhật và một hình thang:

S = ( 13 x 4 ) + (3 x 13) + (5 x 12) + ( 13 + 15) x 11 : 2 = 305 ( cm2)

**Hình 98:**

Diện tích phần tô xanh là tổng diện tích của một hình bình hành, một hình chữ nhật và một tam giác

S = (15 x 45 ) + (20 x 45) + (18 x 45 ) : 2 = 1980 (cm2)

a) Điểm N biểu diễn số - 3

     Điểm B biểu diễn số - 5

     Điểm C biểu diễn số 3

b) Điểm biểu diễn số - 7 là điểm L.

**Bài 4:**

a) Kết quả của phép trừ số nguyên dương cho số nguyên dương là số nguyên dương. **Sai.** Có thể là số nguyên dương hoặc nguyên âm. Ví dụ: 4 - 7 = - 3

b) Kết quả của phép trừ số nguyên dương cho số nguyên âm là số nguyên dương. **Đúng.**

c) Kết quả của phép nhân số nguyên dương với số nguyên âm là số nguyên âm. **Đúng.**

 **Bài 8 :**

a)

Diện tích mảnh đất có dạng hình chữ nhật đó là:

24 x 28 = 672 (m2)

b)

Diện tích vườn hoa là:

23 x 27 = 621 (m2)

c)

Diện tích phần đường đi là:

672 - 621 = 51 (m2) = 510 000 cm2

Cần dùng số viên gạch để lát đường đi là:

510 000 : 50 = 10.200 ( viên gạch )

d)

Chiều dài hàng rào là: ( 23 + 27) x 2 = 100 m

**Bài 9:**

Diện tích của hình vuông ABCD là: 4 x 4 = 16 (cm2)

Diện tích phần còn lại của miếng bìa là: 28 - 16 = 12 (cm2)

Diện tích phần còn lại của miếng bìa là tổng diện tích của 4 hình thang cân. Do Vậy diện tích của hình thang cân chứa cạnh EG là: 12 : 4 = 3 (cm2)

Độ dài cạnh EG là: 3 x 2 - 4 = 2 (cm)

 *- HS nhận xét, bổ sung và giáo viên đánh giá tổng kết.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 1+ 3+ 4 + 6 ( SGK – tr 117-118)**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập bằng cách thực hành thực hiện dưới sự hướng dẫn, điều hành của GV.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*.